

CÂU HỎI ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Phân tích đặc điểm của Luật Hiến pháp Việt Nam.
2. Nêu các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị của Việt Nam.
3. Nêu mối quan hệ giữa Nhà nước với Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại Việt Nam.
4. Nêu các quyền con người và quyền công dân được công nhận tại Việt Nam hiện nay.
5. Phân tích và liên hệ thực tiễn thực hiện các chính sách về kinh tế tại Việt Nam hiện nay.
6. Phân tích và liên hệ thực tiễn thực hiện các chính sách về giáo dục và khoa học công nghệ tại Việt Nam hiện nay.
7. Phân tích và liên hệ thực tiễn thực hiện các chính sách về giáo dục và khoa học công nghệ tại Việt Nam hiện nay.
8. Phân tích khái niệm Luật Hành chính.
9. So sánh các nhóm đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính.
10. Phân tích đặc điểm của Luật Hành chính.
11. Phân tích tính đặc thù trong phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính.
12. Thế nào là quan hệ pháp luật hành chính? Phân tích điều kiện chủ thể quan hệ pháp luật hành chính.
13. Thế nào là quyết định hành chính? Quyết định hành chính có đặc điểm gì.
14. Phân biệt công chức và viên chức.
15. Thế nào là vi phạm hành chính? Phân tích những nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính.
16. Trình bày nguyên tắc của tổ tụng hành chính.
17. Nêu sự khác biệt của hai giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.
18. Anh (chị) hãy cho biết Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định các hành vi nào là hành vi tham nhũng và các hành vi bị nghiêm cấm?
19. Anh (chị) hãy phân tích và so sánh các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 về hành vi tham nhũng trong khu vực Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước thực hiện với

hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước thực hiện.

20. Anh (chị) hãy phân tích quy định của pháp luật về cơ chế phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.
21. Anh (chị) có nhận xét gì về công tác phòng, chống tham nhũng ở nước ta trong thời gian qua? Là công dân Việt Nam, anh (chị) có trách nhiệm như thế nào trong công tác phòng chống tham nhũng?
22. Theo anh (chị), Nhà nước cần có biện pháp nào để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng?

BÀI TẬP THẢO LUẬN NHÓM

Bài tập số 1

Ông L là Tổng Cục trưởng một Tổng cục của Bộ K. Anh H là con trai ông L, hiện làm chuyên viên công tác cùng cơ quan, thể hiện là cán bộ trẻ khá năng nổ và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ do anh đảm trách. Căn cứ theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018,

Hỏi:

- a. Ông L có được quyền bổ nhiệm anh H sang vị trí công tác mới không? Nêu căn cứ pháp lý?
- b. Giả sử anh H được bổ nhiệm, thì anh H không được đảm nhiệm vị trí công tác nào? Nêu căn cứ pháp lý?

Bài tập số 2

Ông C là công chức làm việc tại Sở T, trong giờ làm việc, trên đường đi công tác, do tiện đường, ông sử dụng xe của cơ quan để đón con đi học về. Sau đó, trên đường đi, ông C gây [tai nạn](#) do không làm chủ tốc độ.

Hỏi: Ông C có sai phạm gì và phải chịu những loại trách nhiệm pháp lý nào?

CÂU HỎI ÔN TẬP DẠNG TRẮC NGHIỆM

1. *Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?*
 - a. Luật Hiến pháp là một quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
 - b. Luật Hiến pháp là một chế định pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
 - c. Luật Hiến pháp là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
 - d. Luật Hiến pháp là không phải là một thành phần trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
2. *Hiến pháp là:*
 - a. Đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - b. Văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định.
 - c. Là văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.
 - d. Là văn bản có hiệu lực pháp lý dưới luật.
3. *Lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam hiện nay là:*
 - a. Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
 - b. Chủ tịch nước.
 - c. Chính phủ.
 - d. Đảng Cộng sản Việt Nam.
4. *Lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:*
 - a. Đất liền, vùng nước và vùng trời.
 - b. Đất liền, hải đảo, vùng trời và vùng nước.
 - c. Hải đảo, vùng biển, đất liền và vùng trời.
 - d. Vùng đất, biển đảo và vùng trời.
5. *Mọi người có quyền:*
 - a. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
 - b. Tự do kinh doanh mọi ngành, nghề.
 - c. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép.
 - d. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật cho phép.
6. *Công dân có quyền ứng cử vào Quốc hội khi:*
 - a. Đủ mười tám tuổi trở lên.
 - b. Đủ hai mươi tuổi trở lên.
 - c. Đủ hai mươi một tuổi trở lên.

- d. Đủ hai mươi hai tuổi trở lên.
7. *Nền tảng của quyền lực Nhà nước ở Việt Nam là liên minh giữa:*
- Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.
 - Giai cấp nông nhân và đội ngũ trí thức.
 - Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
 - Giai cấp thương nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
2. *Nền kinh tế của Việt Nam là:*
- Nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.
 - Nền kinh tế thị trường tư sản.
 - Nền kinh tế bao cấp gồm nhiều thành phần kinh tế.
 - Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
3. *Nhận định nào sau đây là SAI?*
- Nhà nước là lực lượng lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.
 - Đảng Cộng sản Việt Nam chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.
 - Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân.
4. *Tại Việt Nam, quyền con người và quyền công dân:*
- Chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - Không thể bị hạn chế theo quy định của luật dù trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - Chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.
 - Chỉ có thể bị hạn chế theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.
5. *Nhận định nào sau đây là SAI?*
- Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.

- b. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.
 - c. Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ.
 - d. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
6. *Độ tuổi công dân Việt Nam có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là:*
- a. Đủ mười tám tuổi trở lên.
 - b. Đủ mười chín tuổi trở lên.
 - c. Đủ hai mươi tuổi trở lên.
 - d. Đủ hai mươi một tuổi trở lên.
7. *Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi:*
- a. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án sơ thẩm.
 - b. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Ủy ban Nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.
 - c. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Viện Kiểm sát Nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.
 - d. Được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
8. *Nền kinh tế Việt Nam:*
- a. Có một hình thức sở hữu.
 - b. Có hai thành phần kinh tế.
 - c. Có kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
 - d. Có kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo.
9. *Tại Việt Nam, đất đai là:*
- a. Tài sản chung thuộc sở hữu toàn dân.
 - b. Tài sản công thuộc sở hữu Nhà nước.
 - c. Tài sản chung thuộc sở hữu Nhà nước.
 - d. Tài sản công thuộc sở hữu toàn dân.
10. *Tổ chức nào sau đây không phải là tổ chức chính trị - xã hội?*
- a. Hội nông dân Việt Nam.
 - b. Hội cựu chiến binh Việt Nam.

- c. Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - d. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
11. Tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, được gọi là:
- a. Công đoàn Việt Nam.
 - b. Hội Liên hiệp người lao động Việt Nam.
 - c. Hội công nhân Việt Nam.
 - d. Công đoàn lao động Việt Nam.
12. Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có:
- a. Chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài.
 - b. Chiều dài bằng hai phần ba chiều rộng.
 - c. Chiều rộng bằng một phần hai chiều dài.
 - d. Chiều dài bằng một phần hai chiều rộng.
13. Tài sản nào sau đây không phải là tài sản thuộc sở hữu toàn dân?
- a. Tài nguyên nước.
 - b. Tài nguyên khoáng sản.
 - c. Nguồn lợi ở vùng biển.
 - d. Tài sản do cá nhân đầu tư.
14. Quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay là:
- a. Phát triển khoa học và công nghệ.
 - b. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
 - c. Phát triển giáo dục.
 - d. Phát triển kinh tế.
15. Luật Hành chính là một ngành luật:
- a. Thuộc ngành Luật Hiến pháp.
 - b. Thuộc ngành Luật Hình sự.
 - c. Thuộc ngành Luật Dân sự.
 - d. Ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
16. Luật Hành chính điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực:
- a. Quản lý hành chính Nhà nước.
 - b. Mọi lĩnh vực xã hội.

- c. Lĩnh vực vi phạm hành chính.
- d. Lĩnh vực dân sự.

17. *Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hành chính là:*

- a. Phương pháp mệnh lệnh.
- b. Phương pháp thuyết phục.
- c. Phương pháp giáo dục.
- d. Phương pháp tổ chức.

18. *Quyết định hành chính là:*

- a. Quyết định của các bộ phận hành chính trong cơ quan Nhà nước.
- b. Những quyết định quy phạm.
- c. Những quyết định cá biệt.
- d. Quyết định trong lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước.

19. *Nhận định nào sau đây là chính xác và đầy đủ nhất?*

- a. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng quan hệ pháp luật.
- b. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng của quan hệ pháp luật, phát sinh trong lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước, được điều chỉnh bởi quy phạm pháp luật hành chính.
- c. Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng quan hệ xã hội.
- d. Quan hệ pháp luật hành chính là giữa Nhà nước và công dân.

20. *Chủ thể quan hệ pháp luật hành chính:*

- a. Là các bên có năng lực chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hành chính, mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật hành chính.
- b. Là các cơ quan hành chính Nhà nước.
- c. Là các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và công dân.
- d. Là những người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính.

21. *Đâu là khách thể của quan hệ pháp luật hành chính?*

- a. Lợi ích của công dân tham gia quan hệ pháp luật hành chính.
- b. Các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- c. Lợi ích của Nhà nước.
- d. Trật tự quản lý hành chính Nhà nước.

22. *Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm hành chính?*

- a. Hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm các quy tắc quản lý hành chính Nhà nước
- b. Đối với tổ chức vi phạm hành chính thì yếu tố lỗi phải được xác định ở từng con người cụ thể của tổ chức
- c. Hành vi đó được pháp luật quy định phải bị xử lý hành chính
- d. Hành vi đó trái pháp luật và bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm.

23. *Lĩnh vực nào là giới hạn của quan hệ pháp luật hành chính?*

- a. Lĩnh vực Nhà nước
- b. Lĩnh vực chính trị
- c. Lĩnh vực kinh tế
- d. Lĩnh vực Quản lý hành chính Nhà nước

24. *Căn cứ vào tính chất pháp lý của quyết định hành chính, người ta phân loại quyết định hành chính thành:*

- a. Quyết định chủ đạo, quyết định quy phạm, quyết định cá biệt
- b. Quyết định kỷ luật, quyết định điều động, quyết định chủ đạo
- c. Quyết định quy phạm, quyết định kỷ luật, quyết định cá biệt
- d. Quyết định chung, quyết định cá biệt, quyết định đặc biệt

25. *Quyết định hành chính được ban hành nhằm mục đích chung nhất sau đây:*

- a. Giải quyết những nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, hướng đến mục tiêu của cơ quan hành chính Nhà nước và được đặt trong tổng thể mục tiêu quốc gia
- b. Thể hiện quyền lực của người lãnh đạo địa phương
- c. Giải quyết vấn đề đối nội của Nhà nước
- d. Giải quyết vấn đề phát triển kinh tế của các doanh nghiệp

26. *Đâu không phải là dấu hiệu đặc trưng của quyết định hành chính?*

- a. Tính pháp lý
- b. Tính dưới luật
- c. Tính ý chí và quyền lực đơn phương của Nhà nước
- d. Tính thống nhất với tập quán

27. *Đâu không phải là một loại quan hệ pháp luật hành chính?*

- a. Quan hệ pháp luật hành chính dọc
- b. Quan hệ pháp luật hành chính ngang
- c. Quan hệ pháp luật hành chính về quản lý kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng

d. Quan hệ pháp luật hành chính không lệ thuộc.

28. *Đâu không phải là nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính?*

- a. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính
- b. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 03 lần mức phạt tiền đối với cá nhân
- c. Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh
- d. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật

29. *Đâu là một trong những nguyên tắc của xử phạt vi phạm hành chính?*

- a. Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật
- b. Có thể xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính không do pháp luật quy định
- c. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm mà không cần tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng
- d. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì chỉ xử phạt về hành vi vi phạm hành chính của một người có tính đại diện

30. *Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm những biện pháp nào sau đây?*

- a. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- b. Đưa vào trường giáo dưỡng;
- c. Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- d. Tất cả những biện pháp trên

31. *Đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính, có thể được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nào sau đây?*

- a. Biện pháp nhắc nhở và biện pháp quản lý tại gia đình
- b. Biện pháp phạt tiền
- c. Biện pháp buộc nghỉ học một thời gian nhất định

d. Biện pháp buộc cha mẹ nộp tiền phạt thay thế.

32. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm:

- a. trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
- b. trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội Nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng;
- c. trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an Nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước
- d. Cả 3 đáp án đều đúng

33. Viên chức là:

- a. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật
- b. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm cho một cơ quan.
- c. Công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm cho một doanh nghiệp
- d. Cả a, b, c

34. Vụ việc nào sau đây thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Nhân dân cấp huyện?

- a. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính các huyện trong tỉnh.
- b. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính các huyện trong cả nước.
- c. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên phạm vi địa giới hành chính một số huyện theo phân công.
- d. Khiếu kiện danh sách cử tri của cơ quan lập danh sách cử tri trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án.

35. Người tiến hành tố tụng hành chính:

- a. Là người có những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định trong giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật.
- b. Chỉ gồm những người chủ tọa phiên tòa hành chính.

- c. Chỉ gồm những người thuộc Tòa án Nhân dân tham gia trong phiên tòa hành chính.
- d. Chỉ gồm những người thuộc Viện kiểm sát Nhân dân tham gia trong phiên tòa hành chính.

36. *Tòa án Nhân dân cấp nào xét xử vụ khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống?*

- a. Tòa án Nhân dân tối cao.
- b. Tòa án Nhân dân cấp tỉnh.
- c. Tòa án Nhân dân cấp huyện.
- d. Không thuộc trách nhiệm của Tòa án.

37. *Thế nào là tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018?*

- a. Tham nhũng là hành vi của cán bộ, công chức Nhà nước đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.
- b. Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi.
- c. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.
- d. Tham nhũng là hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

38. *Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công dân có quyền gì trong công tác phòng, chống tham nhũng?*

- a. Công dân chỉ có quyền phát hiện nhà báo tin về hành vi tham nhũng.
- b. Công dân chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- c. Công dân chỉ có quyền phát hiện, kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- d. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

39. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là bao nhiêu năm?
- Từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - Từ đủ 03 năm đến 06 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - Từ đủ 02 năm đến 04 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
 - Từ đủ 04 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.
40. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, có bao nhiêu hình thức công khai về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị?
- 5 hình thức.
 - 6 hình thức.
 - 7 hình thức.
 - 8 hình thức.
41. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, việc tặng quà của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được quy định như thế nào?
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.
 - Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn tuyệt đối không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng,
 - Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng.
 - Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn chỉ được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, vì mục đích từ thiện.
42. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tài sản, thu nhập nào dưới đây không thuộc tài sản, thu nhập phải kê khai?
- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng.
 - Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.
 - Tài sản, tài khoản ở nước ngoài.
 - Giấy tờ có giá có giá trị đến dưới 50.000.000 đồng.

43. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, nội dung xác minh tài sản, thu nhập trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị như thế nào?
- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
 - Tính rõ ràng của bản kê khai và trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
 - Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.
 - Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.
44. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người kê khai tài sản, thu nhập phải có nghĩa vụ gì?
- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình.
 - Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng.
 - Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.
 - Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, con chưa thành niên.
45. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công tác kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm những hình thức nào?
- Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng
 - Chỉ kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
 - Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng; kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.
 - Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất.

VANLANG
UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Bài 3

Luật Hiến pháp, luật hành chính, tổ tụng
hành chính Việt Nam và Luật phòng, chống
tham nhũng Việt Nam

VANLANG UNIVERSITY

Bài 3
Luật Hiến pháp,
luật Hành chính,
Tổ tụng hành
chính và Luật
phòng, chống
tham nhũng Việt
Nam

1. Luật Hiến pháp

2. Một số nội dung cơ bản của HP.

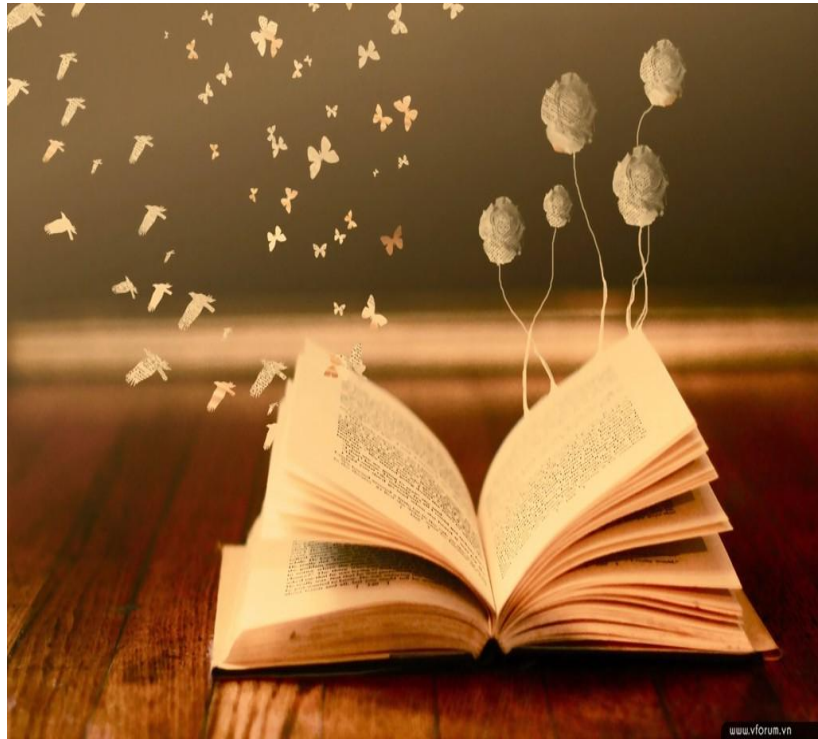
**3. Pháp luật hành chính Luật tổ
tụng hành chính**

4. Luật phòng, chống tham nhũng

Mục đích yêu cầu

Giúp sinh viên lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp, luật Hành chính, luật Tổ tụng hành chính và luật Phòng, chống tham nhũng Việt Nam như: *khái niệm, đặc điểm, một số nội dung cơ bản của những luật này...* thông qua đó góp phần hình thành tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ pháp luật của sinh viên đồng thời có thể vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn cuộc sống.





- **Giáo trình pháp luật đại cương của Trường Đại học Văn Lang**
- **Slide bài giảng do giảng viên biên soạn.**
- **Tài liệu câu hỏi bài tập, tình huống (case study) do giảng viên biên soạn.**
- **Văn bản pháp luật: *Hiến pháp năm 2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Cán bộ, công chức 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức 2019; Luật Tổ tụng hành chính và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018***

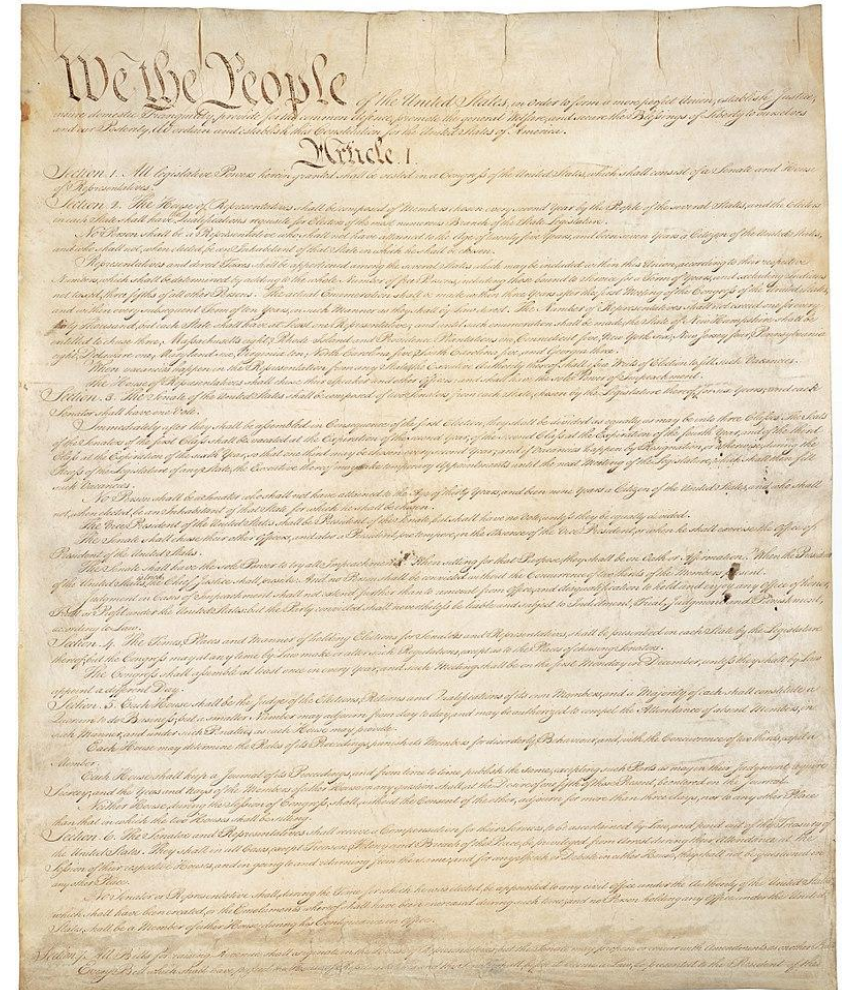
1. Luật Hiến pháp



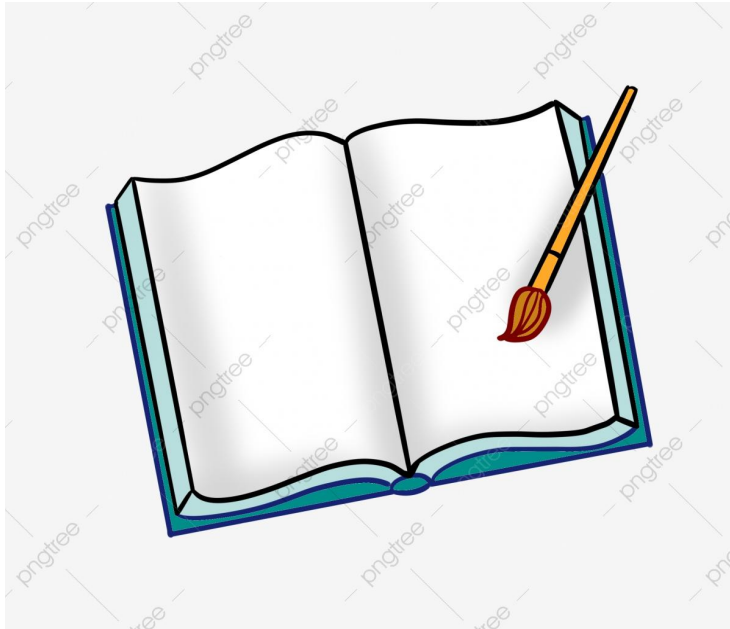
- “Hiến pháp” được bắt nguồn từ chữ Latinh “Constitutio” có nghĩa là **thiết lập, xác định.**
- Dưới thời La Mã cổ đại, phương Đông cổ đại (Trung Quốc): Hiến pháp là **khuôn thước, khuôn mẫu, kỷ cương.**

1. Luật Hiến pháp

- **Hiến pháp Hoa Kỳ** - bản hiến pháp lâu đời nhất và nổi tiếng nhất với trên 200 năm lịch sử - là bộ luật tối cao của Hoa Kỳ
- Được soạn thảo ngày 17 tháng 9 năm 1787,
- được phê chuẩn sau các cuộc hội nghị tại 13 tiểu bang đầu tiên và có hiệu lực từ năm 1789



1.1. Khái niệm



- **Luật Hiến pháp Việt Nam là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam** bao gồm tổng thể các nguyên tắc và quy phạm pháp luật ghi nhận trong Hiến pháp về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội của Nhà nước, về địa vị pháp lý của cá nhân, quyền con người, quyền cơ bản của công dân, về địa vị pháp lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, bộ máy các cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương, điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước.

1. Luật Hiến pháp Việt Nam

Hiến pháp là đạo luật quan trọng nhất của 1 nhà nước, qui định **những vấn đề cơ bản nhất** như chế độ chính trị, quyền con người, quyền & nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, hợp tác quốc tế, bảo vệ tổ quốc và bộ máy nhà nước.



Hiến pháp của nước CHXHCN Việt Nam

- Trước năm 1945: Việt Nam không có Hiến pháp.
- Từ 1946 sau khi thành lập nhà nước cộng hòa đầu tiên- Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam có các bản Hiến pháp sau: 1946, 1959, 1980, 1992 (được sửa đổi vào năm 2001), 2013.

Hiến pháp của nước CHXHCN Việt Nam năm 2013

- Hiến pháp 2013 đã thể chế hóa Cương lĩnh của Đảng về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Kế thừa Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992.

1.2. Đặc điểm của Luật Hiến pháp

- Thể hiện ở đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp



Đối tượng điều chỉnh của Luật Hiến pháp

- Những quan hệ xã hội quan trọng nhất - thể hiện chủ quyền nhân dân.
- Các mối quan hệ xã hội cơ bản, nền tảng chế độ chính trị của một Nhà nước.
- Các quan hệ xã hội cơ bản trong lĩnh vực kinh tế, chế độ sở hữu, thành phần kinh tế, chiến lược, mục tiêu.
- Quan hệ nền tảng giữa Nhà nước và công dân
- Tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước.
- Những quan hệ thuộc chủ quyền quốc gia
- Hiệu lực Hiến pháp.

Phương pháp điều chỉnh

- Phương pháp xác định những nguyên tắc mang tính định hướng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Phương pháp Quyền uy – Phục tùng.
- Phương pháp cho phép, lựa chọn: khi quy định các quyền của các chủ thể tham gia luật Hiến pháp.

2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp

2.1. Chế độ chính trị

2.2. Quyền con người quyền và nghĩa vụ của công dân

2.3. Chính sách kinh tế, giáo dục, khoa học và công nghệ

2.1. Chế độ chính trị

- Là nhóm những quy phạm Luật Hiến pháp điều chỉnh những **quan hệ xã hội quan trọng nhất** trong lĩnh vực chính trị như: *quan hệ về quyền lực, quan hệ giữa các bộ phận cấu thành trong hệ thống chính trị ở nước ta, quan hệ về cơ chế thực hiện quyền lực, quan hệ giữa Nhà nước CHXHCN Việt Nam với các nhà nước khác, các tổ chức quốc tế...*

2.2. Quyền con người và nghĩa vụ của công dân



- Là nhóm những quy phạm Luật Hiến pháp điều chỉnh những **quan hệ cơ bản, quan trọng nhất** giữa nhà nước và công dân và giữa công dân với công dân. *Nhóm những quy phạm này xác định địa vị pháp lý của cá nhân trong xã hội*

“Ở nước CHXHXNVN các quyền con người, quyền CD về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo HP & PL.

- *Các quyền này chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do an ninh, QP, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe cộng đồng .”*

(Chương II. Từ điều 14 – đến điều 49)

2.3. Chính sách kinh tế, giáo dục, khoa học và công nghệ

Là nhóm những quy phạm Luật Hiến pháp điều chỉnh những quan hệ xã hội quan trọng nhất trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ như: *quan hệ trong lĩnh vực phát triển quản lý giáo dục, quan hệ trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển các di sản văn hoá dân tộc, quan hệ trong lĩnh vực bồi dưỡng và phát triển nhân cách của con người Việt Nam, quan hệ trong lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ*

3. PHÁP LUẬT HÀNH VÀ LUẬT TỔ TỤNG CHÍNH VIỆT NAM

3.1. PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Khái niệm: Luật Hành chính Việt Nam là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm tổng thể những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh *trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước.*



3.1. PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Đối tượng điều chỉnh: là những quan hệ có nội dung cơ bản sau:

- Hoạt động quản lý nền kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, y tế, an ninh, trật tự, xã hội trên phạm vi cả nước, trong từng địa phương hay từng ngành cụ thể.
- Hoạt động mà luật Hành chính điều chỉnh nhằm trực tiếp phục vụ nhu cầu về vật chất và tinh thần của người lao động.

Đối tượng điều chỉnh (tt)

- Hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện pháp luật của các cơ quan đó.
- Hoạt động xử lý các hành vi vi phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước.
- Những quan hệ liên quan đến việc thành lập, cải tiến cơ cấu bộ máy, chế độ làm việc, hoàn chỉnh các quan hệ công tác của các cơ quan nhà nước



3.1. PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Phương pháp điều chỉnh: có hai phương pháp cơ bản

+ Phương pháp hành chính - mệnh lệnh

+ Phương pháp thỏa thuận (*chỉ có tính bổ trợ và không được thường xuyên sử dụng*).



3.1. PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Đặc điểm

- Quy phạm pháp luật hành chính chủ yếu mang tính bắt buộc, cấm đoán, thuộc các quy phạm của luật công
- Giữa các loại chủ thể Luật Hành chính thường không có sự bình đẳng về địa vị pháp lý
- Luật Hành chính điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước
- Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hành chính là phương pháp mệnh lệnh
- Lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước là giới hạn của quan hệ pháp luật hành chính

3.1. PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính

- *Quyết định hành chính*
- *Quan hệ pháp luật hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính*
- *Cán bộ, công chức*
- *Viên chức*

Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính

Quyết định hành chính :

Quyết định hành chính là một loại quyết định pháp luật trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, thể hiện ý chí quyền lực đơn phương của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền, của người có chức vụ, tổ chức và cá nhân được nhà nước trao quyền, được thực hiện trên cơ sở pháp luật và để thi hành pháp luật, theo trình tự, hình thức do pháp luật quy định nhằm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước.

CƠ QUAN ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPVPHC⁽²⁾....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính*

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ⁽³⁾.....;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC lập ngày...../...../.....;

Căn cứ Biên bản phiên giải trình trực tiếp số...../BB-GTTT lập ngày...../...../..... (nếu có);

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số...../BB-XM lập ngày...../...../..... (nếu có);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

Tôi:

Chức vụ⁽⁴⁾:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:
<1. Họ và tên>..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch:

Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính

- Quan hệ pháp luật hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính:

Quan hệ pháp luật hành chính là một dạng của quan hệ pháp luật, phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, được điều chỉnh bởi quy phạm pháp luật hành chính.

Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xử lý vi phạm hành chính là hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng những biện pháp cưỡng chế do pháp luật quy định đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính.

Cán bộ công chức

Cán bộ là :

- Công dân VN
- được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, giữ chức vụ, chức danh **theo nhiệm kỳ**
- trong các cơ quan Đảng, NN, tổ chức C/trị - XH ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện
- trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách.
(Đ4 K1 Luật CB-CC)

Công chức là

- công dân Việt Nam
- được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-XH ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện....
- trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.
- (Đ4 K2 Luật Cán bộ, công chức)

Viên chức

Viên chức là

- công dân Việt Nam
- được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc
- tại **đơn vị sự nghiệp công lập** theo chế độ hợp đồng làm việc,
- hưởng lương từ **quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập** theo quy định của pháp luật.

(Đ2 Luật Viên chức)





3.2. Luật tổ tụng hành chính Việt Nam

3.2. Luật tố tụng Hành chính Việt Nam

1. Khái quát về luật tố tụng hành chính

TTHC là thủ tục, cách thức tiến hành các hoạt động của người khởi kiện, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác và cơ quan nhà nước khác trong việc giải quyết vụ án hành chính theo quy định của luật TTHC.



3.2. Luật tố tụng Hành chính Việt Nam

- Khái quát về luật tố tụng hành chính

Luật TTHC là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình TAND giải quyết vụ án hành chính nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức



Khái quát về luật tố tụng hành chính

- **TTHC** có mục đích là để giải quyết một loại tranh chấp đặc biệt: tranh chấp hành chính, trong đó, một bên là cơ quan, tổ chức nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó (bên bị kiện) và một bên là cá nhân, cơ quan, tổ chức (bên khởi kiện). Tranh chấp hành chính được điều chỉnh bởi Luật TTHC.



Khái quát về luật tố tụng hành chính

- **TTHC có mục đích là để giải quyết một loại tranh chấp đặc biệt: tranh chấp hành chính, trong đó, một bên là cơ quan, tổ chức nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó (bên bị kiện) và một bên là cá nhân, cơ quan, tổ chức (bên khởi kiện). Tranh chấp hành chính được điều chỉnh bởi Luật TTHC.**



Khái quát về luật tố tụng hành chính

Nguyên tắc của Luật Tố tụng hành chính là những tư tưởng, nguyên lý làm nền tảng, chỉ đạo và định hướng cho việc xây dựng và thực hiện pháp luật TTHC Việt Nam và được ghi nhận trong các văn bản pháp luật về TTHC. **Gồm:**

- 1. Nguyên tắc tuân thủ pháp luật trong TTHC;*
- 2. Nguyên tắc “Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”;*
- 3. Nguyên tắc xét xử công khai vụ án hành chính;*
- 4. Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm;*
- 5. Nguyên tắc đảm bảo sự vô tư, khách quan trong TTHC.*
- 6. Nguyên tắc đảm bảo yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.*

1. Khái quát về luật tố tụng hành chính

Nguyên tắc của Luật Tố tụng hành chính (tt)

7. Nguyên tắc bảo đảm quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện

8. Nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

9. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử hành chính.

10. Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong TTHC

11. Nguyên tắc bảo đảm quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc, ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật trong TTHC.

12. Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHC

13. Nguyên tắc đối thoại trong TTHC.

Một số nội dung cơ bản của Luật tổ tụng hành chính

2.1. Đối tượng xét xử hành chính của Tòa án nhân dân:

2.1.1. Quyết định hành chính

2.1.2. Hành vi hành chính

2.2. Thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân

2.2.1. Thẩm quyền theo loại việc

2.2.2. Thẩm quyền theo cấp Tòa án và lãnh thổ gồm:

- Thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện
- Thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Một số nội dung cơ bản của Luật tố tụng hành chính (tt)

- **2.3. Người tiến hành tố tụng hành chính và người tham gia tố tụng hành chính**
- 2.3.1. Người tiến hành tố tụng hành chính: Người tiến hành TTHC là người có những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định trong giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật, bao gồm: Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên.
- 2.3.2. Người tham gia tố tụng hành chính:
- **Đương sự** trong vụ án hành chính là những người tham gia vụ án hành chính với tư cách là người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người này có đặc điểm chung là họ tham gia tố tụng với mục đích là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, gồm: **Người khởi kiện, Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**
- **Những người tham gia tố tụng khác** bao gồm người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch.

Một số nội dung cơ bản của Luật tố tụng hành chính (tt)

2.4. Giai đoạn khởi kiện, thụ lý vụ án hành chính

- 2.4.1. *Giai đoạn khởi kiện vụ án hành chính*: là một giai đoạn trong TTHC, được tính

từ khi cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi khởi kiện, yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi họ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp ấy bị xâm phạm bởi các quyết định hành chính, hành vi hành chính. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc khởi kiện vụ án hành chính bằng cách gửi đơn khởi kiện tới Tòa án.

- 2.4.2. *Thụ lý vụ án hành chính*: là việc Tòa án chấp nhận giải quyết vụ án hành chính

theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Thụ lý vụ án hành chính là hành vi tố tụng đơn phương của Tòa án, chỉ phát sinh khi có đơn khởi kiện vụ án hành chính.

Một số nội dung cơ bản của Luật tố tụng hành chính (tt)

- **2.5. Giai đoạn chuẩn bị xét xử:** là công việc của Tòa án trong việc đưa vụ án hành chính ra xét xử. Giai đoạn chuẩn bị xét xử là một giai đoạn TTHC, được bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính đến trước khi xét xử vụ án tại phiên tòa. Ở giai đoạn này, Tòa án xác minh, xem xét vụ việc để đưa ra quyết định mở phiên tòa, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính.

- **2.6. Giai đoạn xét xử vụ án hành chính**

2.6.1. Phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính: Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính là việc Tòa án đưa vụ án thuộc thẩm quyền xét xử ra xét xử lần đầu tại phiên tòa khi có đủ cơ sở pháp luật.

2.6.2. Phúc thẩm vụ án hành chính: là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án

mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng

cáo, kháng nghị, nhằm kiểm tra lại xem bản án, quyết định sơ thẩm có đảm bảo tính

hợp pháp, tính có căn cứ hay không

4. Luật phòng, chống tham nhũng Việt Nam



Theo Ngân hàng Thế Giới (World Bank), tham nhũng là sự **"lạm dụng quyền lực công cộng nhằm lợi ích cá nhân"**.

Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International - TI) cho rằng, tham nhũng là hành vi **"của người lạm dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc cố ý làm trái pháp luật để phục vụ cho lợi ích cá nhân"**.

4. Luật phòng, chống tham nhũng Việt Nam

- Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng là kết quả của nỗ lực đàm phán của nhiều quốc gia đã mô tả các loại hành vi tham nhũng đồng thời yêu cầu các quốc gia trong khuôn khổ luật pháp và điều kiện thực tế của mình có trách nhiệm xử lý nghiêm những hành vi tham nhũng như: *hối lộ, tham ô, biển thủ công quỹ hoặc hành vi của công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản, lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi...*



4.1. Khái quát về Luật phòng, chống tham nhũng

- **Tham nhũng là hành vi của người lạm dụng quyền lực được uỷ thác để phục vụ cho lợi ích cá nhân.**
- **Một hành vi tham nhũng để hình thành đạt được ba yếu tố sau:**
 - 1. Yếu tố công và tư nhân (trong và ngoài nhà nước):** Hành vi tham nhũng có thể xảy ra ở cả lĩnh vực công và tư, người thực hiện có thể là cá nhân hoặc tổ chức.
 - 2. Yếu tố lạm dụng quyền lực:** Hành vi tham nhũng phải liên quan đến yếu tố lạm dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện việc trái pháp luật.
 - 3. Lợi ích:** Các bên phải có dấu hiệu lợi ích về vật chất và phi vật chất nếu có



4.1. Khái quát về Luật phòng, chống tham nhũng



- Khái niệm:

Tiếp nhận việc xây dựng khái niệm trên cùng với việc xem xét điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, Điều 3, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 Việt Nam đã xác định: “*tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi*”.

4.1. Khái quát về Luật phòng, chống tham nhũng

- **Đối tượng điều chỉnh:**

là toàn bộ các quan hệ xã hội gắn với việc đề phòng, phát hiện, xử lý và đấu tranh chống lại các hành vi tham nhũng, được chia thành các nhóm sau:

Thứ nhất, quan hệ giữa cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân trong nhà nước trong công tác phòng chống tham nhũng

Thứ hai, quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước với nhau trong công tác phòng chống tham nhũng

Thứ ba, quan hệ giữa cơ quan nhà nước đối với tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước.

Thứ tư, quan hệ giữa cơ quan nhà nước đối với các tổ chức nước ngoài trong việc hợp tác quốc tế để phòng chống tham nhũng.

4.1. Khái quát về Luật phòng, chống tham nhũng

- **Phương pháp điều chỉnh:** phương pháp mệnh lệnh và phương pháp phối hợp - kết hợp.
- **Nguyên tắc của luật phòng, chống tham nhũng:** nguyên tắc công khai, minh bạch; nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác và nguyên tắc hợp tác quốc tế.

4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng

- Các hành vi tham nhũng (trong khu vực nhà nước):

1. Tham ô tài sản;
2. Nhận hối lộ;
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản;
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi;



4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng

- Các hành vi tham nhũng (trong khu vực nhà nước)(tt):

8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi;

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi;

10. Nhũng nhieu vì vụ lợi;

11. Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi;

12. lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi;

13. cản trở, can thiệp trái pháp luật vào

việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi



4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng

- Các hành vi tham nhũng (trong khu vực ngoài nhà nước):

1. Tham ô tài sản;

2. Nhận hối lộ;

3. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi



4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng Việt Nam

2.2. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng:

Thứ nhất, chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

Thứ hai, gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh.

Thứ ba, chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng Việt Nam

2.3. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây: Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ; công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, căn cứ vào quy định trên hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành, công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng trong tổ chức, đơn vị mình, thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đó. Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ trái pháp luật.

Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

4.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng Việt Nam

2.4. Phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng

Phát hiện tham nhũng: Công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể thực hiện thông qua các hình thức sau: Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán; phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.

Xử lý hành vi tham nhũng: Để phòng, chống tham nhũng, việc phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi tham nhũng là công tác khẩn trương và cần thiết. Việc xử lý không chỉ ngừng lại ở những hành vi tham nhũng thực hiện bởi các chủ thể trong các cơ quan, tổ chức nhà nước mà còn liên quan đến xử lý tài sản tham nhũng, xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Chân thành cảm ơn



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
VĂN LANG

